

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30-10-2025

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Kiều.
- Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hương là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Hồng N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số A, đường G, tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Số A, đường G, tổ E, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp).

Bị đơn: Nguyễn Thành N1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số A, tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Số A, tổ E, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp).

(Chị N có mặt; anh N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là Lê Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N1 kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 20/6/2022.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân, sống xa nhau từ khoảng tháng 9 năm 2024 cho đến nay. N1 thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành N1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Duy K, sinh ngày 16/10/2023, hiện con chung đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là Nguyễn Thành N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Thành N1 vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn là Lê Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành N1 và yêu cầu được nuôi con chung nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là Nguyễn Thành N1 có nơi cư trú tại số A, tổ E, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là Nguyễn Thành N1 vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Nguyễn Thành N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N1 kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 20/6/2022 là hôn nhân hợp pháp.

Theo khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, quy định như sau:

“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.”

Chị N trình bày: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân, sống xa nhau từ khoảng tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Mặc dù vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Lê Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành N1.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành N1.

Bị đơn là Nguyễn Thành N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Thành N1 vẫn vắng mặt không rõ lý do. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho phía bị đơn. Tuy nhiên phía bị đơn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Xét thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, không tôn trọng nhau, không giúp đỡ nhau; Chị N và anh N1 đã ly thân không sống chung từ tháng 9/2024 cho đến nay; tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và Tòa án đã triệu tập anh N1 nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N1 vẫn vắng mặt, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau và chị N vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành N1. Xét, hôn nhân giữa chị N và anh N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành N1 là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh N1 có 01 con chung tên là Nguyễn Duy K, sinh ngày 16/10/2023, hiện con chung đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung đang sống với chị N đã ổn định từ tháng 09/2024 đến nay và con chung là Nguyễn Duy K, sinh ngày 16/10/2023, hiện nay dưới 36 tháng tuổi.

Theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, quy định như sau:

“Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

.....
2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”.

Theo quy định nêu trên, để đảm bảo điều kiện sống tốt nhất về mọi mặt của con chung nên cần thiết giao con chung tên Nguyễn Duy K cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy K là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng N phải chịu án phí về hôn nhân theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Thành N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Thành N1.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 16/10/2023, hiện con chung đang sống với Chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003585, ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy chị Lê Thị Hồng N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thành N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 6 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Hiền